CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nước sạch Quảng Ninh

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.5%	**4.5%**	**2.2%**

DT thuần
Q3/25
236
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 5.3%
YoY: ▲ 22.0| 10.3%

LN thuần
Q3/25
13.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.90| -39.2%
YoY: ▼2.30| -14.3%

LN sau thuế
Q3/25
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.10| -17.4%
YoY: ▲ 2.00| 15.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
9.9%
YoY: +/-▼ 2.2%

ROE (TTM)
Q3/25
9.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

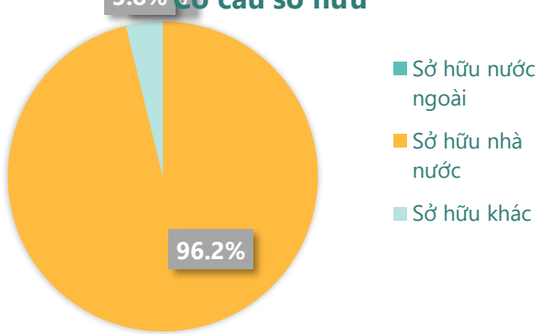
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,542 - 15,747
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	712
Số lượng CPLH (CP)	50,831,593
KLGD BQ 20 phiên (CP)	95
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.02)
EPS	1,150
P/E	12.2

DT thuần
9T 2025
647
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.0| 8.1%

LN thuần
9T 2025
54.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.40| 0.8%

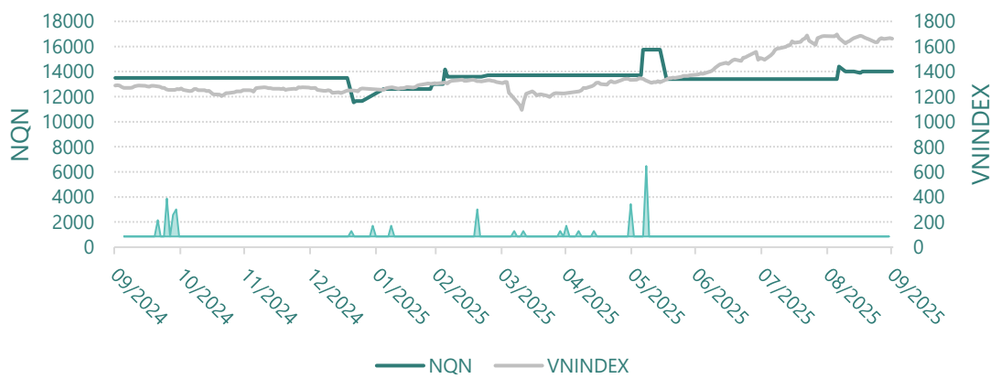
LN sau thuế
9T 2025
46.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50| 5.7%

Cơ cấu sở hữu

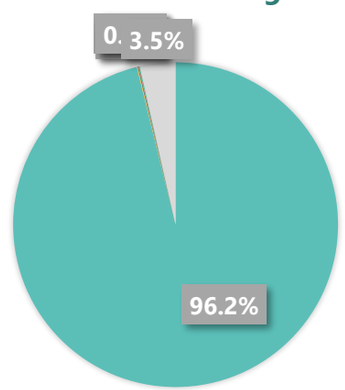


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

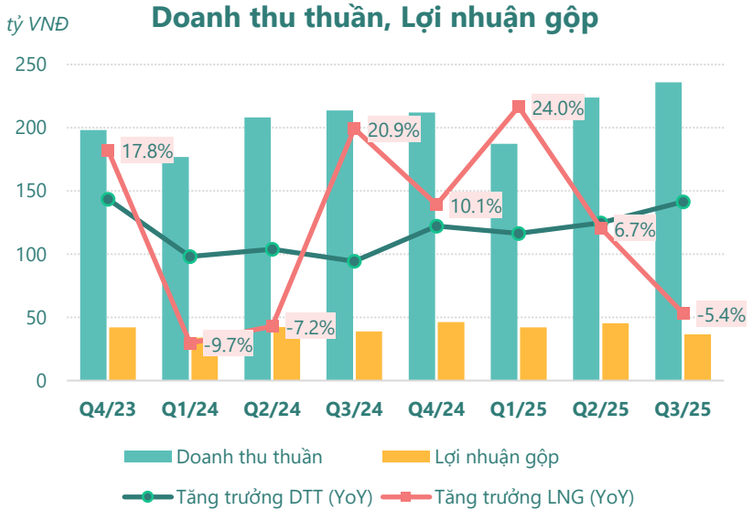


- UBND Tỉnh Quảng Ninh
- Công đoàn CTCP Nước sạch Quảng Ninh
- Nguyễn Thị Thanh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Kim Ngọc
- Bùi Tiến Thanh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

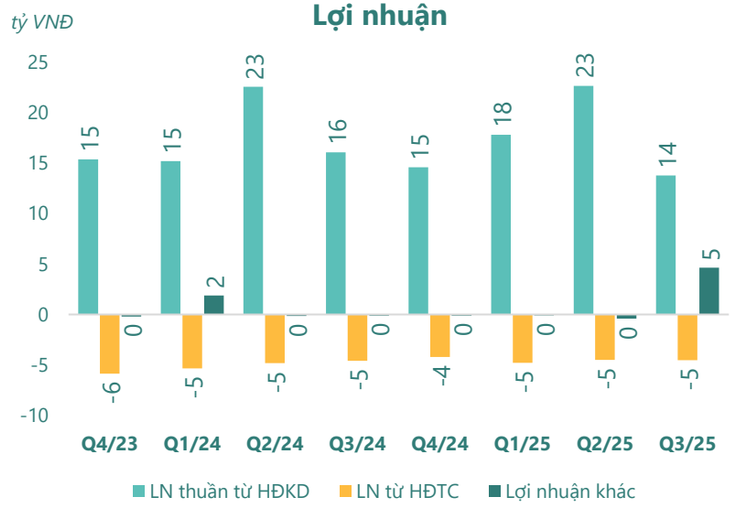
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



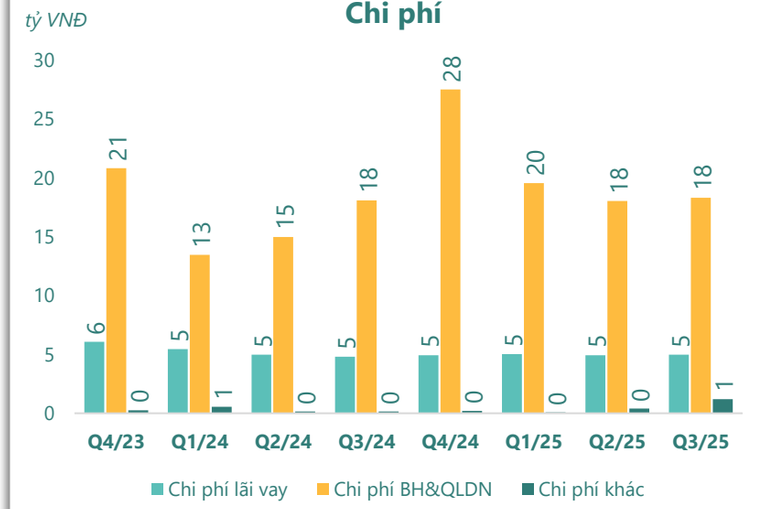
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



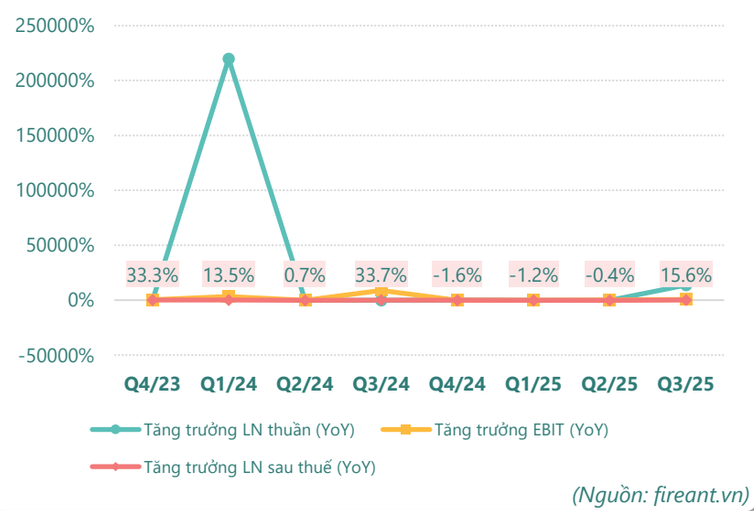
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



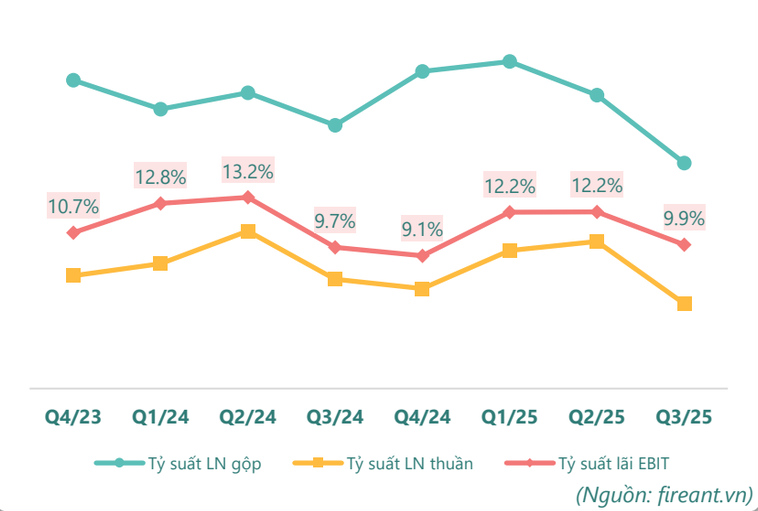
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



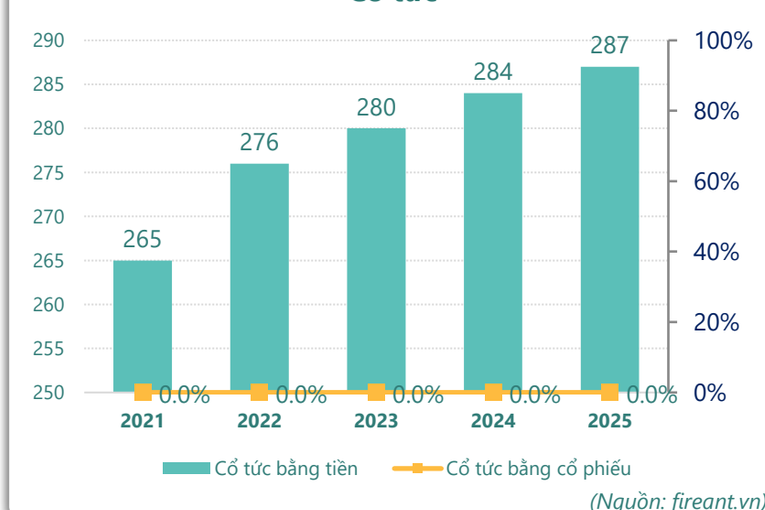
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

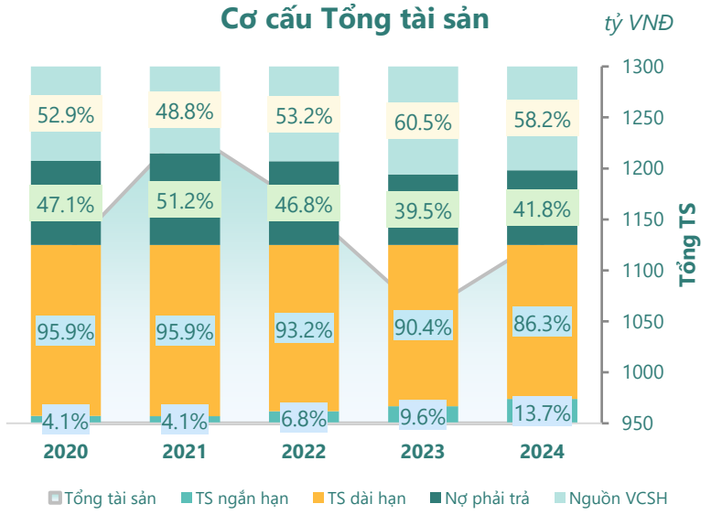
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

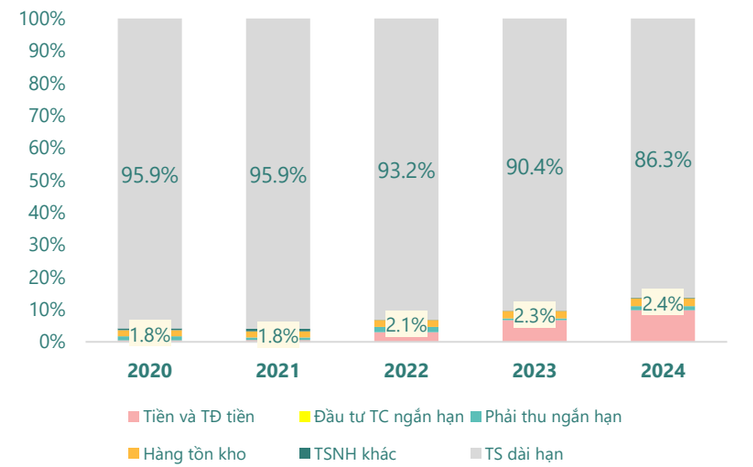
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



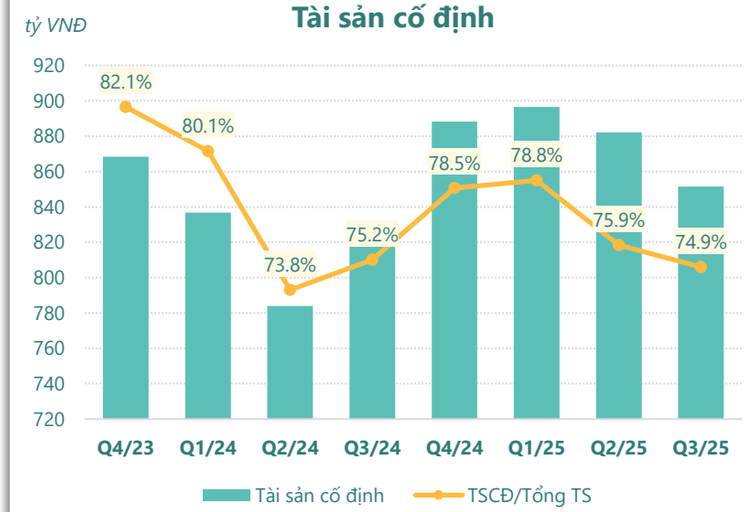
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



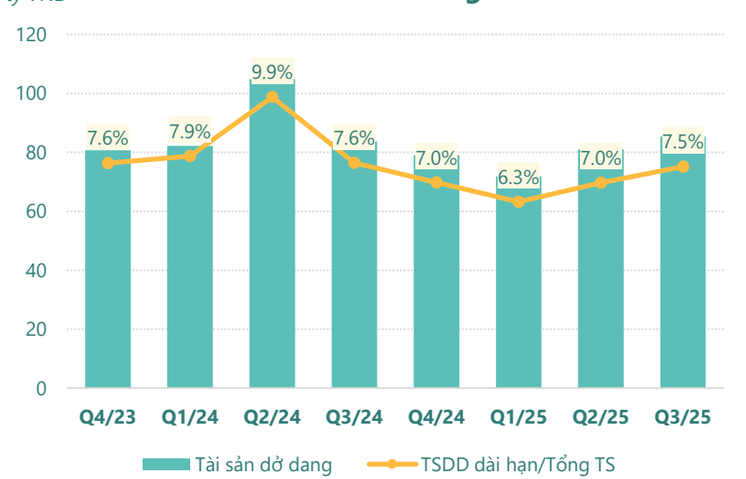
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



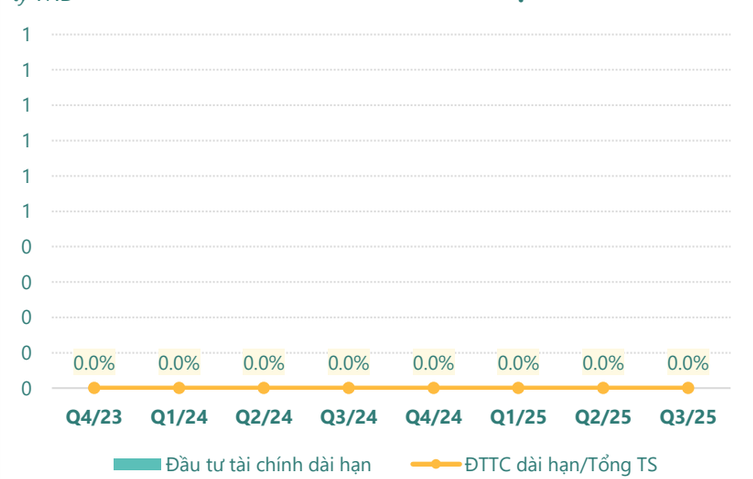
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



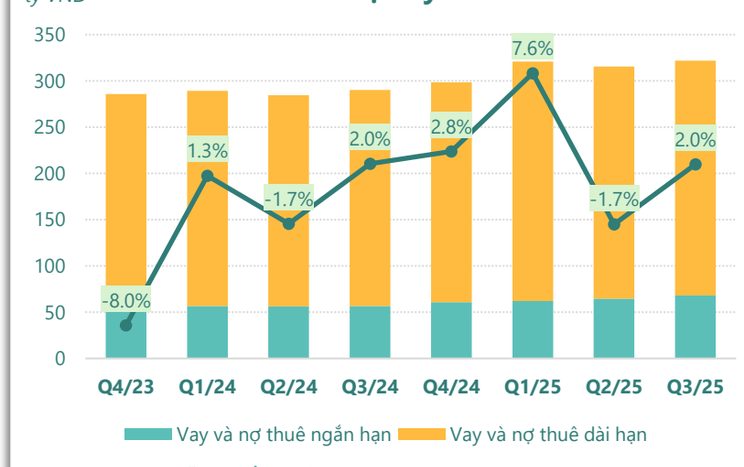
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

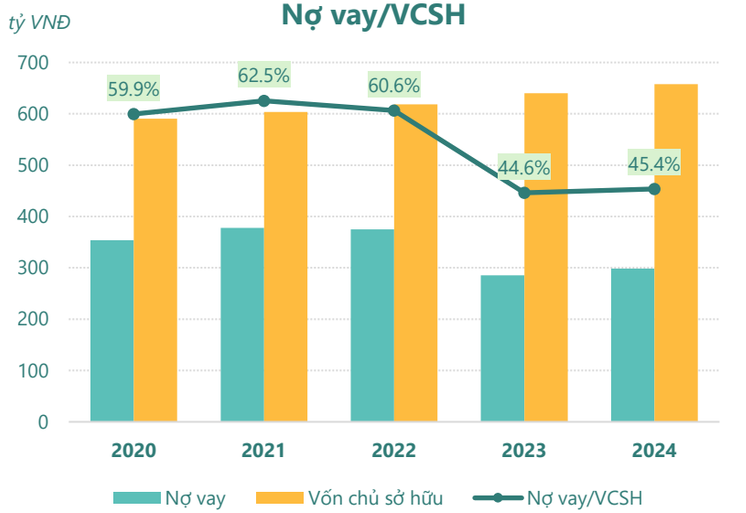
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

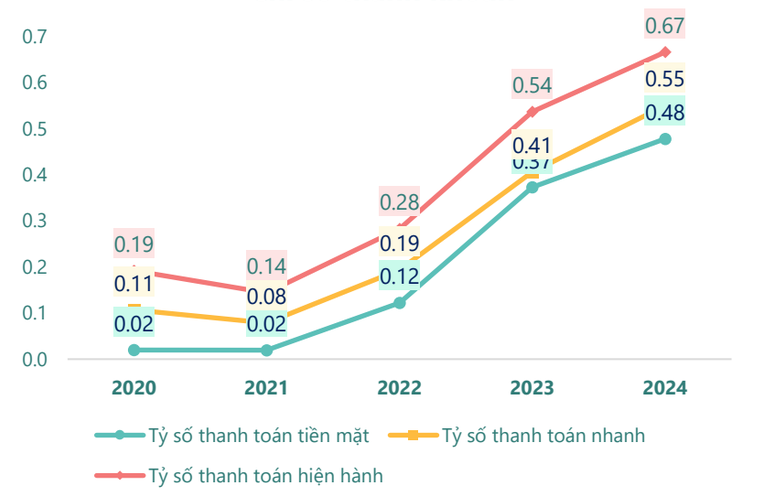
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



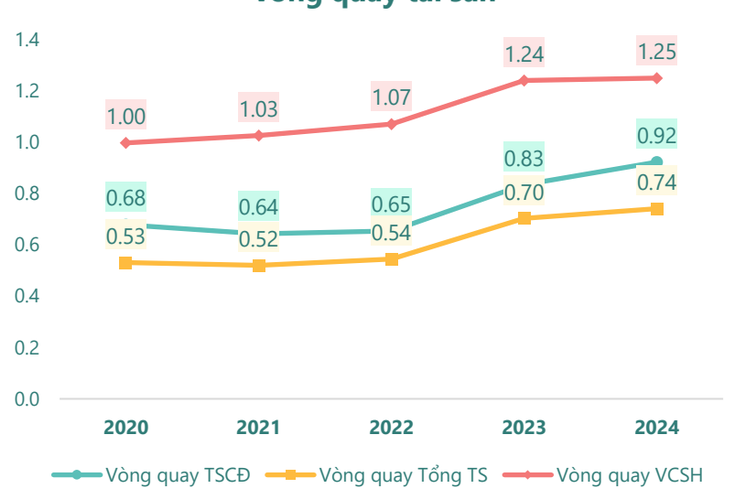
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



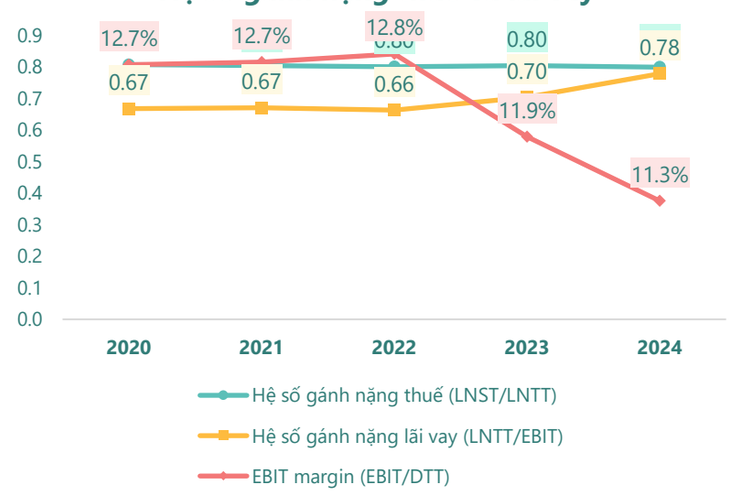
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



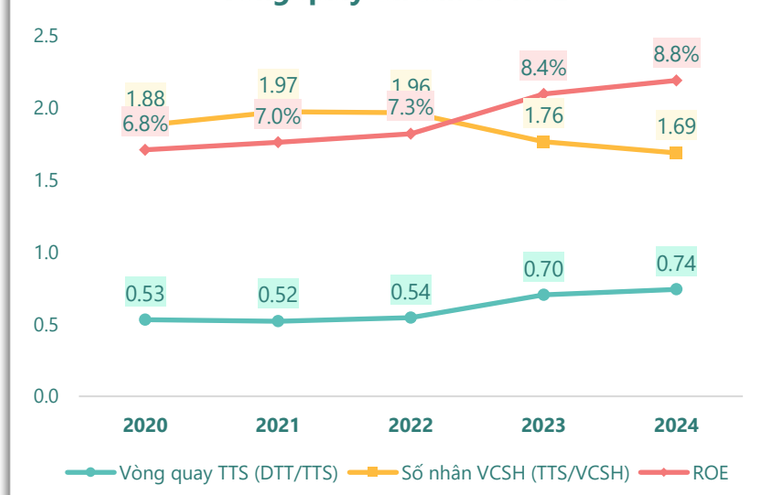
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



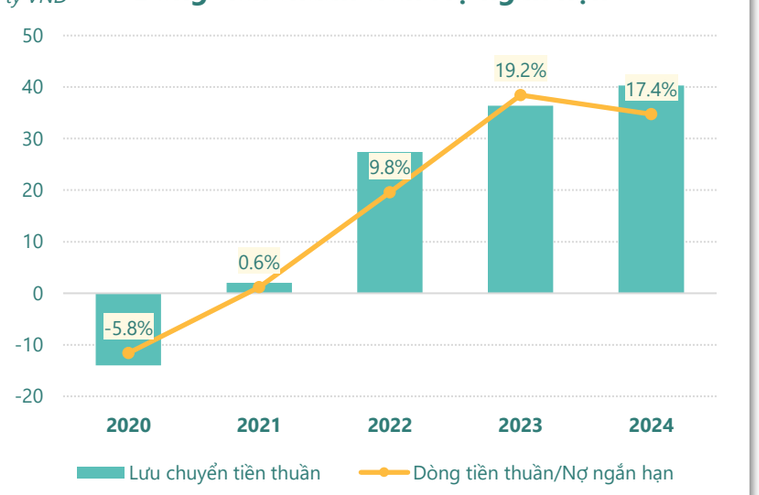
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**236**	**214**	**10.3%**	**647**	**599**	**8.1%**
Giá vốn hàng bán	199	175	13.9%	523	483	8.2%
Lợi nhuận gộp	36.7	38.8	-5.5%	124	115	7.7%
Doanh thu HĐTC	0.45	0.21	114%	1.12	0.48	132%
Chi phí TC	4.97	4.80	3.6%	14.9	15.2	-2.0%
Chi phí lãi vay	4.97	4.80	3.6%	14.9	15.2	-2.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.14	0.02	618%	0.18	0.05	272%
Chi phí QLDN	**18.2**	**18.1**	**0.5%**	**55.8**	**46.5**	**19.9%**
LN thuần từ HĐKD	13.8	16.1	-14.3%	54.3	53.9	0.8%
Lợi nhuận khác	**4.64**	**-0.11**	**4314%**	**4.15**	**1.63**	**155%**
LN trước thuế	18.4	16.0	15.2%	58.5	55.5	5.3%
Lợi nhuận sau thuế	**14.7**	**12.7**	**15.8%**	**46.6**	**44.1**	**5.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.7**	**12.7**	**15.8%**	**46.6**	**44.1**	**5.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	97.5	102	48.8	31.6	87.8	66.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-36.9	-73.9	-65.1	-80.5	-52.8	-93.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.88	-8.66	8.08	22.7	-5.48	-8.31
Tiền đầu kỳ	44.5	100	119	111	84.7	114
Lưu chuyển tiền thuần	**55.6**	**19.0**	**-8.18**	**-26.2**	**29.5**	**-34.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	100	119	111	84.7	114	79.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,137**	**1,131**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	192	155	24.1%
Tiền và tương đương tiền	79.4	111	-28.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	78.5	14.3	448%
Hàng tồn kho	32.5	26.9	20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.39	2.39	-41.9%
Tài sản dài hạn	**945**	**976**	**-3.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	852	889	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	85.4	79.0	8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**8.46**	**8.32**	**1.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	481	473	1.7%
Nợ ngắn hạn	**222**	**232**	**-4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.9	61.3	10.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	45.2	69.6	-35.1%
Nợ dài hạn	259	241	7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	254	237	7.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**656**	**658**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**656**	**658**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	508	508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)